TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỦY NGUYÊN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:22/2018/HNGĐ-ST
Ngày 30 - 01 - 2018
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Lý

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Thu Hà

2. Ông Phạm Công Hạ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng *tham gia phiên tòa:* Bà Vũ Thị Trang Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 819/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2017 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T , sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ dân phố Đ , thị trấn M, huyện T, thành phố Hải Phòng; ; nơi ở hiện nay: Số 33 , LKT, quận N , thành phố Hải Phòng; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân Đ , sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn H , xã L , huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 12 năm 2017 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là chị Bùi Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Nguyễn Xuân Đ kết hôn với nhau vào năm 2008 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L , huyện T, thành phố Hải Phòng (Giấy chứng nhận kết hôn số 40/2008 đăng ký ngày 03 tháng 10 năm 2008). Sau khi cưới, vợ chồng sinh sống tại phường T, quận H, thành phố Hải Phòng, đến năm 2013 vợ chồng chuyển về thôn H , xã L sinh sống. Quá trình chung sống hòa thuận đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng lẫn nhau về mặt tình cảm. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, hôn nhân không có hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn anh Đ .

- Về con chung: Chị T và anh Đ có 02 con chung tên là Nguyễn Tường M sinh ngày 02 tháng 3 năm 2010 và Nguyễn Hà P sinh ngày 05 tháng 11 năm 2012. Khi ly hôn chị T đề nghị được trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Hà P , anh Đ nuôi con chung Nguyễn Tường M . Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung để hai bên tự thỏa thuận giao nhận cho nhau nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị T và anh Đ có tài sản chung nhưng để tự thỏa thuận giải quyết, nếu không xong sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết sau.

Tại văn bản ghi ý kiến ngày 20/12/2017, bị đơn là anh Nguyễn Xuân Đ trình bày: Công nhận lời trình bày của chị T về điều kiện, thời gian và nơi đăng ký kết hôn. Chị T kiên quyết xin ly hôn anh Đ đồng ý ly hôn. Anh Đ công nhận lời khai của chị T về con chung là đúng. Hiện nay anh nuôi con chung là Nguyễn Tường M , khi ly hôn anh có nguyện vọng nuôi cả hai con chung. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung để hai bên tự thỏa thuận giao nhận cho nhau nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Vợ chồng có tài sản chung nhưng để tự thoả thuận giải quyết, nếu không được sẽ đề nghị Toà án giải quyết sau.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật. Tòa án đã xác định đúng thẩm quyền giải quyền vụ án, xác định đúng quan hệ pháp luật và những người tham gia tố tụng. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn và đề nghị về con chung của nguyên đơn. Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Xuân Đ đều thống nhất về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn và có hai con chung như đã trình bày và phù hợp với bản sao

giấy đăng ký kết hôn, bản sao giấy khai sinh của con chung mà chị Bùi Thị T đã giao nộp cho Tòa án, phù hợp với tài liệu xác minh tại Ủy ban nhân dân xã L . Tài liệu xác minh tại địa phương thể hiện vợ chồng có mâu thuẫn khoảng từ năm 2012. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng lẫn nhau về mặt tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, khó có khả năng đoàn tụ. Chị T và anh Đ đều có khả năng nuôi con. Cháu Nguyễn Tường M có nguyện vọng được ở cùng với cả bố và mẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Xuân Đ cư trú tại xã L, huyện T , thành phố Hải Phòng. Căn cứ Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên có thẩm quyền xét xử vụ án này.

[2]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Đ đã được xác lập là hợp pháp (Giấy chứng nhận kết hôn số 40/2008 đăng ký ngày 03 tháng 19 năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng). Căn cứ vào lời khai của các đương sự, tài liệu điều tra xác minh đã xác định được mâu thuẫn vợ chồng có tồn tại làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị T xin ly hôn, anh Đ đồng ý thuận tình ly hôn với chị T . Do đó, căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn của chị T và anh Đ .

[3]. Về con chung: Chị T và anh Đ có hai con chung là Nguyễn Tường M sinh ngày 02 tháng 3 năm 2010 và Nguyễn Hà P sinh ngày 05 tháng 11 năm 2010. Chị T đang nuôi con Nguyễn Hà P ổn định và có nguyện vọng được nuôi con Nguyễn Hà P . Anh Đ đang nuôi con Nguyễn Tường M , khi ly hôn anh Đ đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Tuy nhiên việc giao con chung cho ai nuôi cần phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Xét việc nuôi con của chị T và anh Đ đã ổn định, vì vậy cần giữ nguyên tình trạng nuôi con của các bên như hiện nay. Giao con Nguyễn Hà P cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Nguyễn Tường M cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các bên trình bày để hai bên tự thỏa thuận giao nhận cho nhau nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

[5]. Về tài sản chung: Chị T và anh Đ không đề nghị Tòa án giải quyết tài sản chung trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không giải quyết trong vụ án này.

[6]. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Xuân Đ .

2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Bùi Thị T trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Hà P sinh ngày 05 tháng 11 năm 2012 cho đến khi con chung đủ mười tám tuổi và có khả năng lao động, trừ trường hợp có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Giao cho anh Nguyễn Xuân Đ trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Tường M , sinh ngày 02 tháng 3 năm 2010 cho đến khi con chung đủ mười tám tuổi và có khả năng lao động, trừ trường hợp có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008551 ngày 11 tháng 12 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Chị Bùi Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Nguyên đơn và bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND H. Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS H. Thủy Nguyên;
- UBND xã L, H.Thủy Nguyên HP;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng Lý